TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST
Ngày: 10/5/2018
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Văn Hứng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Công Ny**

2/ Ông **Huỳnh Việt Hưng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Hồng Phil** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2017 về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2018/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: đường K, phường T, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **H** - Phó Giám đốc Chi nhánh T (*Có mặt*).

Địa chỉ: Lô A, khu Công nghiệp T, phường T, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Bà **T**, sinh năm 1983 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường T, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/01/2013, bà T có vay tiền của Ngân hàng N với số tiền **1.980.000.000** đồng theo Hợp đồng tín dụng Việt Nam số: 29/VCBTĐ-KHTN ngày 30/01/2013, mục đích: Mua đất ở.

- Lãi suất: 14,5%/tháng và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng N – Chi nhánh T tại thời điểm rút vốn và theo từng thời kỳ trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn

- Thời gian vay: 84 tháng.

- Hạn trả nợ: Gốc và lãi trả vào ngày 05 hàng tháng.

- Tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất: diện tích 67,2m^2, thửa số 182, tờ bản đồ số 5; tọa lạc tại khu vực 14, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BN 130925 (Số vào sổ: CH02292) do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 28/01/2013 cho bà T.

+ Quyền sử dụng đất: diện tích 67,2m^2, thửa số 181, tờ bản đồ số 5; tọa lạc tại khu vực 14, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BN 130926 (Số vào sổ: CH02293) do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 28/01/2013 cho bà T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm thỏa thuận về thanh toán vốn và lãi vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, vào cuối năm 2014 bà T đã phối hợp với Ngân hàng bán các tài sản thế chấp nêu trên và sau khi trừ các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thế chấp, toàn bộ số tiền còn lại đã thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng là 1.535.480.000 đồng.

Do giá trị tài sản thế chấp sau khi bán không đủ để thanh toán khoản nợ vay nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 24/7/2017 là 852.112.000 đồng (Trong đó nợ gốc: 350.200.000 đồng; nợ lãi 501.912.000 đồng) và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn – Bà T và đại diện theo ủy quyền được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 883.074.337 đồng (Trong đó nợ gốc: 350.200.000 đồng; lãi trong hạn 521.232.299 đồng, lãi quá hạn là 11.642.038 đồng) và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền; Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng là phù hợp. Tuy nhiên, về thời hạn đưa vụ án ra xét xử là có vi phạm.

Đối với bị đơn chưa thực hiện tốt nghĩa vụ tham gia tố tụng theo yêu cầu của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện vào ngày 30/01/2013, bà T có vay tiền của Ngân hàng N với số tiền 1.980.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng Việt Nam số: 29/VCBTĐ-KHTN ngày 30/01/2013. Tuy nhiên, do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nên Ngân hàng khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận. Tính đến ngày 09/5/2018 thì bị đơn T còn nợ Ngân hàng với số tiền là là 883.074.337 đồng (Trong đó nợ gốc: 350.200.000 đồng; lãi trong hạn 521.232.299 đồng, lãi quá hạn là 11.642.038 đồng).

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T trả cho Ngân hàng số tiền là 883.074.337 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật tranh chấp*: Ngân hàng N và bà T có ký hợp đồng tín dụng cho vay số tiền 1.980.000.000 đồng, mục đích vay để mua đất ở. Quá trình thực hiện giao dịch, bà T không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt bị đơn) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng Việt Nam số: 29/VCBTĐ-KHTN ngày 30/01/2013 giữa Ngân hàng N và bà T thể hiện rõ nội dung: bà T có vay tiền Ngân hàng N với số tiền là với số tiền **1.980.000.000** đồng, mục đích: Mua đất ở.

- Lãi suất: 14,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.
- Thời gian vay: 84 tháng.
- Hạn trả nợ: Gốc và lãi trả vào ngày 05 hàng tháng.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 15/2013/VCBTĐ-KHTN ngày 30/01/2013 thì tài sản thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất: diện tích 67,2m^2, thửa số 182, tờ bản đồ số 5; tọa lạc tại khu vực 14, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BN 130925 (Số vào sổ: CH02292) do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 28/01/2013 cho bà T.

+ Quyền sử dụng đất: diện tích 67,2m^2, thửa số 181, tờ bản đồ số 5; tọa lạc tại khu vực 14, phường C, quận O, thành phố Cần Thơ. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: BN 130926 (Số vào sổ: CH02293) do Ủy ban nhân dân quận O cấp ngày 28/01/2013 cho bà T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, sau khi thanh toán được nợ lãi và gốc 07 kỳ thì bà T mất khả năng thanh toán nợ nên bà T và Ngân hàng N đã phối hợp xử lý tài sản thế chấp và sau khi trừ các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản thế chấp, toàn bộ số tiền còn lại đã thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng là 1.535.480.000 đồng. Do đó, khoản nợ còn lại của bà T đối với Ngân hàng N chuyển từ nợ có đảm bảo sang không đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Thông báo số 218/TB.TCT ngày 22/5/2017 về việc chuyển nợ quá hạn (bà T ký nhận ngày 22/5/2017) và Biên bản làm việc các ngày 22/5/2017 giữa đại diện Ngân hàng N với bà T thì bà T thừa nhận thực hiện chưa đúng hợp đồng tín dụng đã ký và cam kết sẽ thanh toán hết nợ gốc và đề nghị miễn lãi (tính đến ngày 30/4/2017 nợ gốc 350.200.000 đồng, nợ lãi 492.816.527 đồng). Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại bà T vẫn chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm hợp đồng, việc khởi kiện yêu cầu bà T trả nợ vay còn lại là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Theo hồ sơ thể hiện, tính đến ngày 09/5/2018 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là **883.074.337** đồng (Trong đó nợ gốc: 350.200.000 đồng; lãi trong hạn 521.232.299 đồng, lãi quá hạn là 11.642.038 đồng).

[4] *Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:

+ Về việc tuân thủ, chấp hành theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự cũng như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 307 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội (Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án);

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc bị đơn bà T trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền là **883.074.337** đồng (Trong đó nợ gốc: 350.200.000 đồng; lãi trong hạn 521.232.299 đồng, lãi quá hạn là 11.642.038 đồng tạm tính đến ngày 09/5/2018) và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2018 theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi bà T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn bà T phải nộp **38.492.000** đồng (*Ba mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

- Nguyên đơn được nhận lại 18.782.000 đồng (*Mười tám triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004361 ngày 25/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;

- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Hứng